

QUAN ĐIỂM CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VỀ QUYỀN CON NGƯỜI - NHỮNG GIÁ TRỊ VÀ THÁCH THỨC

Tóm tắt: Quyền con người đã được đề cập đến trong Kinh Thánh, được Chúa Giêsu và các tông đồ coi trọng và là một trong những nội dung quan trọng của huấn quyền của Giáo hội thể hiện trong học thuyết xã hội Công giáo. Tuy nhiên, trong một thời gian dài Giáo hội chỉ thừa nhận quyền con người xuất phát từ Thiên Chúa, do Thiên Chúa, mà phủ nhận, thậm chí chỉ trích, lên án các quan niệm nhân quyền của xã hội thế tục, thành quả đấu tranh của nhân loại được xác lập qua các cuộc cách mạng xã hội. Chỉ đến thời Giáo hoàng Gioan XXIII (1958-1963) và Công đồng Vatican II (1962-1965), Giáo hội mới thừa nhận những quan điểm nhân quyền thế tục (luật dân sự) cũng như giá trị nhân linh bên cạnh nhân quyền có nguồn gốc từ luật của Chúa (giáo luật). Đây là nét đặc thù về nhân quyền theo quan điểm của Giáo hội. Bài viết này trình bày quan điểm của Giáo hội Công giáo về vấn đề nhân quyền. Xuất phát từ cách nhìn nhận về con người là một hữu thể mang tính xã hội, con người là một nhân vị, hơn nữa con người còn là một nhân vị có phẩm giá, Giáo hội đưa ra những quan điểm của mình về quyền con người, trong đó nhấn mạnh, nhân quyền trước hết xuất phát từ luật của Thiên Chúa (giáo luật), song cũng có nguồn gốc xã hội (luật dân sự). Từ sau Công đồng Vatican II, vấn đề quyền con người càng được Giáo hội quan tâm, coi trọng hơn với nhiều giá trị được thừa nhận, song nó cũng đang phải đối mặt với những thách thức của xã hội hiện đại.

Từ khóa: Quyền con người; Giáo hội Công giáo; giá trị; thách thức.

* Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Ngày nhận bài: 21/12/2019; Ngày biên tập: 31/01/2020; Duyệt đăng: 14/02/2020.

1. Quan niệm của Giáo hội Công giáo về con người và quyền con người

1.1. Quan niệm về con người

Con người là một hữu thể mang tính xã hội.

Theo quan niệm của thần học Kitô giáo, con người là sản phẩm của Thiên Chúa, do Thiên Chúa tạo ra theo hình ảnh của Thiên Chúa và giống Thiên Chúa (St 1: 26). Theo đó, con người có hai chiều kích: con người cá nhân (cá thể) và con người mang tính xã hội. Chiều kích xã hội của con người nằm trong công trình tạo dựng của Thiên Chúa. Trong sự sáng tạo của mình, Thiên Chúa không tạo dựng nên con người “đơn độc”, mà Ngài tạo dựng có nam và có nữ (St 1: 27). Sự kết hợp giữa họ đã tạo nên cộng đoàn đầu tiên giữa người với người và không thể xa rời nhau. Do đó, nếu không liên lạc với người khác, con người sẽ không thể phát triển toàn diện¹. Giáo hội cho rằng, tự bản tính con người là một hữu thể xã hội nên có khuynh hướng tự nhiên tương giao với người khác. Vì thế, để đạt tới sự phát triển toàn diện, con người phải cần đến người khác và xã hội. Công đồng Vatican II (1962-1965) rất đề cao chiều kích xã hội của con người. Hiến chế *Vui mừng và hy vọng* khẳng định: “Thiên Chúa đã dựng nên con người không phải để sống riêng rẽ, nhưng để tạo nên sự liên kết xã hội”².

Như vậy, theo quan điểm của Giáo hội Công giáo, con người là sản phẩm của Thiên Chúa, vừa là một cá thể (cá nhân, cá vị) độc lập, vừa mang bản tính xã hội, nằm trong xã hội và không thể tách rời xã hội. Quan điểm này có điểm tương đồng, song cũng rất khác biệt so với quan điểm thế tục và các trào lưu tôn giáo khác về con người. Hơn thế nữa, Giáo hội Công giáo đặc biệt nhấn mạnh đến chiều kích con người là một nhân vị.

Con người là một nhân vị.

Theo quan điểm của Giáo hội, con người không thuần túy chỉ là một hữu thể xã hội hay một phần tử trong cấu trúc xã hội, mà trước hết và trên hết, con người là một *nhân vị*³. Đây là một phát hiện

mới, độc đáo và sáng tạo của Kitô giáo về con người so với các trào lưu triết học, tôn giáo phương Tây cổ đại. Nhà tư tưởng người Pháp, Roger Garaudy nhận xét: “Kitô giáo đã sáng tạo một chiều kích mới về con người: đó là chiều kích nhân vị. Thật vậy, quan niệm nhân vị hoàn toàn xa lạ với triết học duy lý cổ điển, đến độ các giáo phụ Hy Lạp không thể tìm thấy trong triết học Hy Lạp những phạm trù và những ngôn từ để diễn tả thực tại mới mẻ này”⁴. Con người là một nhân vị, trước hết bởi vì con người có nguồn gốc từ Thiên Chúa, do Thiên Chúa tạo ra con người có phần hồn và phần xác (St 2: 7). Đó là một chủ thể có thể xác và linh hồn, có lý trí, sự hiểu biết và lương tâm, có quyền lợi và nghĩa vụ trong lĩnh vực pháp lý và luân lý. Nhân vị là một hữu thể tự tại, không thể phân chia, cá biệt, độc nhất vô nhị, không thể thay thế. Nhưng nhân vị không phải là một hữu thể đơn độc, khép kín, mà tự bản chất là một hữu thể có tương quan phẩm chất với người khác và Đấng siêu nhân (Thượng đế). Mỗi tương quan này là một tương quan cơ bản cốt yếu mang tính bản thể. Công đồng Vatican II chỉ rõ: “Con người, tạo vật duy nhất ở trần gian được Thiên Chúa dựng nên vì chính họ”⁵. Theo đó, con người, với tư cách là một nhân vị, chiếm vị trí cao nhất giữa các thụ tạo. Vì vậy, nhân vị có một giá trị “tự tại” và một phẩm giá cao quý, bất khả xâm phạm.

Con người là một nhân vị có phẩm giá.

Theo thần học Công giáo, con người không chỉ là một nhân vị có linh hồn và thể xác, mà cao trọng hơn con người còn là một nhân vị có *phẩm giá*⁶. Đó là những giá trị của con người mà trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không thể bị tước bỏ, đều phải được tôn trọng như nhau. Phẩm giá con người cao trọng trước hết bởi con người được tạo nên theo hình ảnh của Thiên Chúa và giống Thiên Chúa, do có giá trị của bản tính thể xác và linh hồn, đặc biệt do có lý trí (trí tuệ, sự hiểu biết), có lương tâm, có ý chí và tự do, có ý thức trách nhiệm về bản thân, tha nhân và vũ trụ. Do đó, con người phải được tôn trọng như “cứu cánh tự tại”, có phẩm vị, chứ không bị sử dụng như một phương tiện hay công cụ. Con người có phẩm giá vì

được Thiên Chúa sáng tạo theo hình ảnh của Thiên Chúa và được mời gọi cùng chung hưởng hạnh phúc với Ngài.

Con người được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa và giống Thiên Chúa nên phải tôn trọng phẩm giá và các quyền cơ bản của con người. Vì thế, Giáo hội đòi hỏi tất cả mọi chương trình phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... của các chính phủ phải nhằm phục vụ con người. Theo Giáo hoàng Gioan XXIII, cộng đồng nhân loại cần được thiết lập trên nguyên tắc: “Mỗi cá nhân là một nhân vị, nghĩa là một bản tính có lý trí và ý chí tự do. Vì thế, do chính bản tính, con người là chủ thể của các quyền lợi và nghĩa vụ. Các quyền lợi và nghĩa vụ này là phổ quát, bất khả xâm phạm và không thể chuyển nhượng dưới bất cứ hình thức nào”⁷. Đồng thời, ông cho rằng: “Gắn liền với phẩm giá con người là quyền được tham dự một cách tích cực vào đời sống công cộng và góp phần cá nhân vào thiện ích chung... Phẩm giá con người còn có quyền đòi pháp luật bảo vệ những quyền lợi riêng của mình, bảo vệ một cách hữu hiệu, tất cả mọi người bằng nhau, và chiếu theo những nguyên tắc công bằng”⁸. Bởi vì, “con người được dựng giống hình ảnh Thiên Chúa, có khả năng nhận biết và yêu mến Người như Đấng Tạo hóa, được Người ủy thác quản trị mọi tạo vật trên trái đất, để cai trị và sử dụng chúng mà ngợi khen Thiên Chúa”⁹.

Do vậy, Giáo hội cho rằng: “mọi xúc phạm đến phẩm giá con người là xúc phạm đến Đấng sáng tạo nên con người vì nguồn gốc và vận mệnh của con người được sáng tạo theo hình ảnh của Thiên Chúa và được cứu độ bằng máu châu báu của Đức Kitô”¹⁰ và “những gì xúc phạm đến nhân phẩm,... là xúc phạm nặng nề đến danh dự của Đấng Tạo hóa”¹¹.

Chính từ nhân sinh quan trên mà Giáo hội Công giáo đã phê phán nhân sinh quan Mácxít. Trong thông điệp *Bách chu niên*, Giáo hoàng Gioan Phaolô II cho rằng: “Sai lầm căn bản của chủ nghĩa xã hội nằm ở quan niệm về con người. Thực vậy, chủ thuyết này coi cá nhân chỉ đơn giản là một yếu tố, một phần tử trong cấu trúc xã hội, đến nỗi điều thiện hảo của mỗi người hoàn toàn tùy thuộc vào

hoạt động của bộ máy kinh tế-xã hội. Mặt khác, chủ nghĩa này cho rằng có thể đạt được điều thiện hảo nói trên bất chấp chọn lựa tự do, quyết định duy nhất, triệt để và có trách nhiệm của cá nhân trước điều tốt hay điều xấu. Như thế, con người bị giản lược vào một tổng hòa các tương quan xã hội và do đó làm tiêu tan quan niệm nhân vị như chủ thể có quyền tự quyết về luân lý, nhờ đó con người xây dựng nên trật tự xã hội”¹².

Tóm lại, Giáo hội Công giáo cho rằng, con người là sản phẩm của Thiên Chúa, do Thiên Chúa tạo nên theo hình ảnh của Thiên Chúa và giống Thiên Chúa. Đó là một hữu thể mang tính xã hội và là một nhân vị, hơn nữa còn là một nhân vị có phẩm giá, được kết hợp bởi thể xác và linh hồn, có lý trí, lương tâm, ý chí và tự do, hiểu biết và ý thức được trách nhiệm với bản thân, với tha nhân và vũ trụ do Thiên Chúa tạo dựng và giao cho con người cai quản, chăm sóc. Xuất phát từ quan niệm con người như vậy, Giáo hội đã đưa ra những quan điểm về quyền con người và nguồn gốc quyền con người.

1.2. Quan niệm về quyền con người và nguồn gốc quyền con người

Theo quan điểm của Công giáo, quyền con người (nhân quyền) là những quyền tự nhiên của con người, không bị tước bỏ bởi bất cứ ai và bất cứ chính thể nào. Đó là những quyền mà con người được hưởng để sống đúng với phẩm giá con người với tư cách là con Thiên Chúa. Quyền con người có hai nguồn gốc: nguồn gốc tự nhiên do thiên luật hay luật của Chúa (giáo luật) và nguồn gốc xã hội do pháp luật (dân luật) quy định.

Trước hết, nhân quyền có nguồn gốc thiên luật (giáo luật), do Thiên Chúa mạc khải ban cho con người ngay từ trong công trình tạo dựng của Thiên Chúa (St 1: 24-28), và các quyền này được xác định một cách rõ ràng trong giới răn của Chúa (Xh 20: 13-17; Dnl 5: 17-21). Theo thần học Công giáo, từ nguyên ủy trong Kinh Thánh, Thiên Chúa tạo ra con người theo hình ảnh của Thiên Chúa và giống Thiên Chúa (St 1: 26) và ban cho con người quyền cai

quản thế gian (St 1: 28). Con người có quyền tự do của mình, song con người cũng phải tôn trọng quyền tự do của người khác. Trong Cựu Ước, việc tôn trọng quyền lợi của tha nhân được ghi cụ thể trong các giới răn ngăn cấm không được làm thiệt hại tới tính mạng, tài sản, danh dự của người khác. Cựu Ước cũng xác định các quyền của con người, như quyền sở hữu chung ruộng đất chung (Lv 25: 23-25), quyền được phân chia ruộng đất (Ds 26: 52-56; Gs 1: 13-16), quyền được trả công xứng đáng (Gr 22: 11)... Các quyền đó có giá trị cho hết mọi người chứ không phải chỉ có giá trị cho riêng dân Chúa chọn (người Do Thái) mà thôi. Trong đó có những khoản ưu đãi dành cho các “ngoại kiều, góa bụa và mồ côi” (Xh 21: 20-23), tức là những thành phần yếu thế nhất trong xã hội. Sang thời Tân Ước, việc tôn trọng phẩm giá con người được đề cao hơn khi chính Chúa Giêsu Kitô đồng hóa mình với những kẻ nghèo khổ, đói khát, khách lạ, đau yếu, tù tội (Mt 24: 45-46); trong các bài giảng của Chúa Giêsu về lòng bác ái, nhất là trong bài giảng trên núi nổi tiếng của Người.

Ngoài Kinh Thánh, ngay từ rất sớm, giáo hội cũng đã quan tâm đến quyền con người. Tuy nhiên, trong một thời gian dài, Giáo hội chỉ thừa nhận các quyền con người xuất phát từ luật tự nhiên của Thiên Chúa, họ không những phê phán mà còn phủ nhận các bản tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của các cuộc cách mạng tư sản, thậm chí cả bản Tuyên ngôn Nhân quyền Thế giới (1948) cũng bị phê phán. Phải đến Giáo hoàng Gioan XXIII, với *Thông điệp Hòa bình trên Thế giới* (1963), Giáo hội mới thừa nhận các quyền con người ngoài luật của Chúa (giáo luật), còn có luật của con người (dân luật hay luật dân sự) của xã hội thế tục.

2. Quá trình hình thành và phát triển quan điểm của Giáo hội Công giáo về quyền con người

Quyền con người dù đã được xác quyết trong Kinh Thánh, được Chúa Giêsu Kitô, các tông đồ và Giáo hội thừa nhận, song trong một thời gian dài, Giáo hội không thừa nhận các giá trị chung về quyền con người, nhất là quyền tự do lựa chọn tôn giáo. Thậm chí trong thế

kỷ XVIII-XIX, Giáo hội lại tỏ ra “dị ứng”, chống đối các quan điểm nhân quyền thế tục, như chính người Công giáo đã thừa nhận, “có những lúc Giáo hội không những đã không hăng say bảo vệ phẩm giá con người, mà còn chủ trương sử dụng bạo lực hay những hình thức cưỡng chế phi nhân bản. Đặc biệt, vào cuối thế kỷ XVIII, khi những bản tuyên ngôn lịch sử về quyền sống, quyền bình đẳng, quyền tự do, tự quyết, ... ra đời, thì hàng giáo phẩm hình như đã quay lưng lại với tiến trình tranh đấu cho nhân quyền này”¹³.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự chống đối và phản ứng tiêu cực của Giáo hội đối với quan điểm nhân quyền thế tục. Trước hết, do thái độ của chủ nghĩa thế tục thế kỷ XVIII-XIX cổ vũ cho nhân quyền hoàn toàn chỉ dựa trên giá trị tự nhiên của lý trí và kiên quyết loại trừ mọi liên quan đến tôn giáo, đến thượng đế. Bản *Tuyên ngôn quyền con người và quyền công dân* (1789), *Quy chế dân sự của giới giáo sĩ* (1790) cũng như *Hiến pháp 1791* của Cách mạng Pháp nhằm thực hiện “quyền mà công lý tự nhiên trao cho tất cả các cá nhân” và thiết lập cơ chế chính trị độc lập với quyền bính tôn giáo, tách nhà nước khỏi giáo hội, biến Giáo hội Pháp thành một “Giáo hội quốc gia”, nhất là thay thế Công giáo bằng tôn giáo thờ “Nữ thần lý trí”. Bên cạnh đó là sự phát triển của khoa học càng làm cho con người thiên về chủ nghĩa thực chứng, phủ nhận giáo thuyết tôn giáo hư ảo.

Phản ứng của giáo quyền với các vấn đề nêu trên rất mạnh. Trong phần lớn thế kỷ XIX, Giáo hội kịch liệt chống lại bản tuyên ngôn nhân quyền, tự do tôn giáo của Cách mạng Tư sản Pháp. Giáo hoàng Gregorio XVI gọi đó là những “sai lầm độc hại”, các “quyền kỳ quái”, “quyền ảo tưởng”, thậm chí là một sự “mê sảng” lầm lạc cần phải phản bác (Tông thư “*Quod Aliquantum*”, ngày 10/3/1791). Bởi nó đòi cho người công dân được các quyền tự do, trong đó có quyền tự do tôn giáo, được hiểu như là tự do ly khai khỏi tôn giáo, không chấp nhận Thiên Chúa. Giáo hoàng Gregorio XVI qua *Thông điệp Mirari Vos* (1832), lên án chủ nghĩa thế tục phủ nhận tôn giáo trong đời sống xã hội, đề cao tự do lựa chọn tôn giáo. Giáo

hoàng Piô IX qua *Thông điệp Quanta cura* (8/12/1864) đã liệt kê danh sách 80 lầm lạc mang tính chất triết học, chính trị, tôn giáo bị phê phán là những “dịch bệnh” nguy hiểm của thời đại¹⁴. Mặc dù vấn đề nhân quyền đã được đề cập tới trong tông huấn của Giáo hoàng Lêô XIII (1878-1903)¹⁵, Giáo hoàng Piô XI (1922-1939)¹⁶, Giáo hoàng Piô XII (1939-1958)¹⁷, song Giáo hội vẫn giữ thái độ bảo thủ, thù địch, lên án các quan điểm nhân quyền thế tục. Ngay cả Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (1948) của Liên Hiệp Quốc, giáo quyền cũng nghi ngờ và chỉ trích.

Phải đến Giáo hoàng Gioan XXIII (1958-1963) với *Thông điệp Hòa bình trên Thế giới* (1963) đề cao Bản Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế (1948) của Liên Hiệp Quốc, Giáo hội mới khai mở một giai đoạn mới về nhân quyền. Theo đó, Giáo hội thừa nhận có hai nguồn gốc của nhân quyền, một theo luật của Thiên Chúa (giáo luật) và một theo luật của con người (dân sự) cần được tôn trọng. Trước hết, Giáo hội xác định con người là một nhân vị có phẩm giá, bởi dựa trên mạc khải, phẩm giá con người cao quý bởi vì được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa và được mời gọi cùng hưởng hạnh phúc với Ngài, Giáo hội có bổn phận rao truyền chân lý về phẩm giá con người (số 3); bởi con người là một nhân vị có phẩm giá nên họ phải có những quyền lợi, quyền được sống và được hưởng một cuộc sống xứng hợp với tư cách là con Thiên Chúa (số 4); quyền được hưởng những giá trị luân lý và văn hóa (số 5, 6); quyền được tự do tôn thờ Thiên Chúa (tự do tôn giáo) theo đòi buộc của lương tâm (số 7); quyền được tự do lựa chọn nếp sống (số 8); quyền lợi kinh tế (số 10, 11); quyền tự do hội họp, lập hội (số 12); quyền di cư và cư trú (số 13); quyền công dân (số 14); đồng thời quyền lợi phải gắn liền với nghĩa vụ; đặc biệt cần xây dựng một xã hội đảm bảo các quyền con người khi chúng dựa trên nền tảng của “chân lý, công bình, bác ái và tự do” và “xã hội sẽ đạt được kết quả trên đây, nếu dưới ánh sáng sự công bình, người ta không những tôn trọng quyền lợi của người khác, thi hành nghĩa vụ của mình, mà người ta còn phải có tinh thần bác ái, biết nhìn nhận

những nhu cầu của người khác như của chính mình, biết cho họ thông công tài sản của mình, và biết trao đổi cho nhau, một cách dồi dào hơn, những giá trị thiêng liêng. Hơn nữa, xã hội còn phải sống trong tự do, nghĩa là phải được sống xứng hợp với con người, bởi vì chỉ có con người mới lãnh được trách nhiệm về việc làm của mình”¹⁸. Có thể nói, *Thông điệp Hòa bình trên Thế giới* được xem là một bản “Hiến chương Kitô giáo về nhân quyền”, và là một “bản tuyên ngôn mang tính có hệ thống nhất trong các tuyên bố giáo hoàng hiện đại về các vấn đề xã hội và chính trị”¹⁹. Kể từ đây “nhân quyền và nhân phẩm” đã trở thành chủ đề quan trọng trong giáo huấn xã hội của Giáo hội.

Tiếp nối đường hướng của Giáo hoàng Gioan XXIII (1958-1963), Công đồng Vatican II (1962-1965), đề cao tầm quan trọng của nhân quyền với việc xác quyết rằng: “Con người ngày càng ý thức hơn về phẩm giá cao trọng của nhân vị, bởi vì con người vượt trên tất cả mọi loài và vì những quyền lợi cũng như bổn phận của con người là phổ quát và bất khả xâm phạm. Vậy cần phải cho con người được tất cả những gì thiết yếu mà con người phải có để thực sự sống đời sống con người, như: của ăn, quần áo, chỗ ở, quyền tự do chọn lựa bậc sống và quyền lập gia đình, quyền được giáo dục, quyền được làm việc, quyền được bảo vệ thanh danh, quyền được kính trọng, quyền được thông tin đầy đủ, quyền được hành động theo quy tắc ngay thẳng của lương tâm mình, quyền được bảo vệ đời sống riêng tư và quyền tự do chính đáng cả trong phạm vi tôn giáo nữa”²⁰.

Công đồng Vatican II khẳng định rằng, “Giáo hội đồng tiến với toàn thể nhân loại và cùng nhau chia sẻ một số phận trần thế”²¹. Được Thiên Chúa ủy thác cho mình qua Phúc âm, Giáo hội “loan báo và công bố sự tự do của con cái Thiên Chúa, phủ nhận mọi hình thức nô lệ... Phúc âm triệt để tôn trọng phẩm giá và quyền tự do chọn lựa của lương tâm, không ngừng nhắc nhở phát huy mọi tài năng để phục vụ Thiên Chúa và mưu ích cho mọi người”²². Dựa trên sứ điệp giải thoát của Tin Mừng, Giáo hội “công bố những

quyền lợi của con người, nhìn nhận và tôn trọng tính năng động của thời hiện đại đang cổ vũ cho những quyền lợi ấy khắp nơi”. Giáo hội cũng mong muốn “trào lưu này thấm nhuần tinh thần Tin Mừng và phải được bảo vệ khỏi nhiễm mọi hình thức tự trị sai lầm”²³.

Sau Công đồng Vatican II, vấn đề nhân quyền được Giáo hội Công giáo quan tâm hơn. Thượng hội đồng Giám mục Thế giới (1971) đưa vấn đề công lý vào chương trình nghị sự, dẫn tới sự thiết lập *Hội đồng Tòa Thánh về Công lý và Hòa bình*. Cơ quan này đã xuất bản nhiều văn kiện liên quan tới nhân quyền, như: Giáo hội và nhân quyền (1975); Vấn đề nợ quốc tế (1986); Giáo hội và vấn đề gia cư (1987), Phẩm giá và những quyền lợi của nhân vị (1984).

Giáo hoàng Phaolô VI (1963-1978) cho rằng trong thời hiện đại: “Không thể cứu rỗi thế giới từ bên ngoài... Trước tiên, cần phải nói, lắng nghe tiếng nói, nhất là con tim của con người. Cần cố gắng để hiểu con người, tôn trọng họ và yểm trợ họ khi cần thiết. Cần thiết phải trở nên bạn hữu của con người, nếu chúng ta muốn trở thành mục tử, phụ tử và thầy dạy của họ. Bầu khí đối thoại phải là tình bằng hữu, và hơn nữa, việc phục vụ”²⁴.

Giáo hoàng Gioan Phaolô II (1978-2005), trong thông điệp “Đấng Cứu chuộc loài người”, viết: “Con người là con đường của Giáo hội, con đường mở ra, từ nền tảng mọi con đường Giáo hội phải đi, bởi vì con người - mọi người, không trừ một ai - đã được Đức Kitô cứu chuộc, Đức Kitô kết hợp với con người, với từng người một, không trừ bất cứ ai, ngay cả khi họ không ý thức điều đó. Vì con người là con đường của Giáo hội, con đường cho cuộc sống và những kinh nghiệm hằng ngày, cho sứ mệnh và lao khổ của Giáo hội, nên Giáo hội thời đại chúng ta phải luôn ý thức và làm mới ý thức về hoàn cảnh của con người. Giáo hội như vậy phải ý thức về các khả năng của con người được biểu lộ theo một phương hướng mới; Giáo hội đồng thời phải ý thức về mối đe dọa xây đến cho con người. Giáo hội cũng phải ý thức về tất cả những gì trái với cố gắng làm cho cuộc sống con người được nhân bản hơn, ngõ hầu tất cả những gì kiến tạo nên cuộc sống đó tương ứng với nhân phẩm”²⁵.

Giáo hoàng Gioan Phaolô II còn “sám hối” những lỗi lầm mà Giáo hội đã phạm phải trong lịch sử về vấn đề nhân quyền, rằng: “Trong một vài giai đoạn lịch sử, đôi lúc Kitô hữu đã sống không bao dung và không trung thành với giới luật yêu thương lớn lao, vì thế đã làm hoen ố khuôn mặt Giáo hội, hiền thể của Người. Xin tỏ lòng xót thương đối với những người con tội lỗi của Người và xin đón nhận quyết tâm của chúng con nhằm kiếm tìm và cổ vũ chân lý trong thái độ dịu dàng của đức ái, với niềm xác tín rằng chân lý chỉ có thể chiến thắng bằng chính chân lý mà thôi”²⁶. Từ đó, Giáo hội mong muốn xây dựng một xã hội phát triển, công bằng, liên đới và nhân ái, trong tương quan hài hòa với vũ trụ, với người khác và với Thiên Chúa.

Giáo hoàng Benedict XVI chủ trương muốn kiến tạo “một xã hội xứng hợp với con người, với phẩm giá và với ơn gọi của chính con người”²⁷, để phát triển toàn diện, trong đó con người được xem như “vốn quan trọng nhất phải bảo toàn và đề cao”. Ông cũng cảnh báo xã hội hiện đại đang “thiếu vắng tình huynh đệ giữa con người và giữa các dân tộc”, rằng: “Xã hội càng toàn cầu hóa càng làm cho chúng ta gần gũi nhau hơn, nhưng không biến chúng ta thành anh em. Lý trí tự nó có thể hiểu sự bình đẳng giữa người với người và thiết lập một cuộc sống dân sự, nhưng không thể kiến tạo tình huynh đệ”²⁸.

Vấn đề nhân quyền được Giáo hội đề cập đến trong Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo số 1929-1933, khi bàn về bốn phận con người sống trong xã hội: tôn trọng phẩm giá nhân vị, liên đới với tha nhân, như phẩm giá con người (số 1700), mạng sống con người (số 2258), thân thể con người (số 2297; 2414), tài sản con người (số 2407), quyền lợi xã hội (số 2419-2449), v.v... Ngoài ra, quyền con người còn được đề cập đến trong Bộ Giáo luật 1983, như mọi tín hữu đều bình đẳng với nhau về phẩm tính, tuy khác biệt về chức vụ (Đ. 208), về các nghĩa vụ và quyền lợi nền tảng của các tín hữu.

Tại Việt Nam, dưới ánh sáng của Công đồng Vatican II, vấn đề nhân quyền cũng được Hội đồng Giám mục nêu lên ngay từ khi được thành lập năm 1980, với bản thư chung nổi tiếng: “Sống Phúc

âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”. Trong đó khẳng định: “Không có sinh hoạt nào của con người lại xa lạ đối với sứ mạng của Hội Thánh, và ngược lại không có sinh hoạt nào của Hội Thánh không liên quan tới tất cả cuộc sống con người” (số 7). Thư chung năm 1992, trên tinh thần vui mừng và hy vọng, kêu gọi “Sống Phúc âm và đem Phúc âm vào trong cuộc sống” (số 8); Xây dựng một nếp sống và một lối diễn tả đức tin có bản sắc dân tộc hơn (số 9); Tôn trọng sự sống (số 11), có nhắc nhở các tín hữu giáo dân rằng không thể làm theo phương châm của người xưa: “Trời sinh voi, trời sinh cỏ” mà phải sinh sản có trách nhiệm. Thư chung 2001, với tựa đề “Để họ được sống và sống dồi dào”, khẳng định rằng: “Ta không nhìn những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục như những kẻ đứng ngoài cuộc, nhưng nhận đó là những vấn đề của ta và chủ động góp phần giải quyết, hầu cho mọi người được sống và sống dồi dào. Ta không thể thờ ơ với những chương trình phát triển cũng như tình trạng nghèo đói và những tệ nạn xã hội, bởi vì ta là thành viên của cộng đồng dân tộc với tất cả quyền lợi và nghĩa vụ”. Thư chung hậu Đại hội Dân Chúa năm 2010 với tựa đề: “Cùng nhau bồi đắp nền văn minh tình thương và sự sống”, vấn đề quyền con người được Giáo hội Công giáo Việt Nam quan tâm trên nhiều phương diện.

3. Nội dung căn bản quan điểm của Giáo hội về quyền con người

Theo quan điểm của Giáo hội, cho đến nay, quan niệm về quyền con người đã trải qua bốn thế hệ. *Thế hệ thứ nhất*, bắt đầu từ đại Cách mạng Tư sản Pháp với bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* (1789), các quyền về chính trị, chủ nghĩa tự do (tự do ngôn luận, bầu cử, hội họp, tôn giáo, chống đàn áp, quyền được sống, được sống an toàn, quyền tư hữu,...); *Thế hệ thứ hai*, với bản *Tuyên ngôn Nhân quyền Quốc tế của Liên Hiệp Quốc* (1948), các quyền về kinh tế và xã hội được nhà nước bảo hộ để đảm bảo các quyền tự do dân sự phải được thực thi. Trong đó, có quyền được sống bao gồm cấm nạn nô lệ, giết người, tra tấn, bạo lực độc đoán;

được cung cấp những điều kiện cụ thể bằng lao động hay có một thu nhập đủ sống. Quyền có công ăn việc làm, có đồng lương thích đáng, có bảo hiểm xã hội, được giáo dục, được chăm sóc sức khỏe, v.v... là những quyền bắt buộc mà các thể chế dân sự phải thực hiện để phục vụ các cá nhân; *Thế hệ thứ ba*, xuất hiện vào những thập niên 1970, 1980, quyền của các cộng đồng thiểu số: con người thuộc về một cộng đồng, nhân quyền của con người gắn với cộng đồng, nhất là các cộng đồng thiểu số: quyền của các cộng đồng (ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo); quyền độc lập tự quyết của các dân tộc, các tộc người, quyền của những người chịu thiệt thòi: các thiếu nhi, người khuyết tật, các phụ nữ; *Thế hệ thứ tư*, xuất hiện vào thập niên cuối của thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, các quyền con người được mở rộng của cá nhân và cộng đồng; quyền về môi trường sinh thái, quyền sống trong hòa bình, quyền của các dân tộc thiểu số được phát triển về văn hóa và kinh tế, v.v...²⁹.

Các nội dung của nhân quyền được đưa vào giáo huấn và các bản văn xác định lề lối sinh hoạt của Giáo hội giữa trần thế. Theo đó, nội dung cơ bản quyền con người theo quan điểm của Giáo hội Công giáo gồm các nội dung cụ thể: quyền được sống (ăn, ở, mặc, đi lại, cư trú); quyền được tự do lựa chọn bậc sống và lập gia đình, quyền có con và dạy dỗ con; quyền được giáo dục phát huy trí tuệ; việc làm, quyền được hưởng thành quả lao động cho bản thân và nuôi người phụ thuộc (quyền được hưởng các loại trợ cấp); được bảo vệ thanh danh, được kính trọng, được thông tin đúng đắn, quyền hành động theo luật của lương tâm, quyền bảo vệ đời sống riêng tư và có được tự do chính đáng; quyền tự do tôn giáo.

Các quyền con người không phải là các quyền của cá nhân riêng lẻ và độc lập, mà là những quyền của con người sống trong cộng đồng. Cá nhân và cộng đồng ở trong một mối tương quan qua lại của sự độc lập. Tập thể phải tôn trọng và bảo vệ các quyền con người, bằng sự tháo gỡ những trở ngại đối với sự tham gia của tất cả mọi người, bảo đảm những điều kiện khách quan để họ được tham gia. Sự phát huy quyền tự do và phẩm giá của tất cả mọi người là một

trách nhiệm xã hội mà Nhà nước phải bảo đảm. Con người chỉ có thể tìm được sự phát triển đầy đủ ở trong các mối quan hệ xã hội có tổ chức. Đồng thời, cá nhân cũng có những bổn phận đối với tập thể và phải cùng với tất cả mọi người tìm kiếm để phát huy công ích. Nghĩa vụ này có thể khiến con người phải hy sinh một phần lợi nhuận riêng tư trước mắt, để có thể bảo đảm phẩm giá của tất cả mọi người. Công bằng xã hội và một sự quan tâm đến những người yếu đuối nhất, là cần thiết để có thể dành cho mỗi người một sự bình đẳng về cơ hội trong sự viên mãn của phẩm giá con người: “sự cần thiết phải vượt qua một đạo đức cá nhân chủ nghĩa”³⁰.

Giáo hội xem xét tất cả những gì đi ngược với cuộc sống là “ô nhục”, “làm hư nát nền văn minh nhân loại” và “xúc phạm nặng nề đến danh dự của Đấng Tạo hóa”, như: “giết người dưới bất kỳ hình thức nào, diệt chủng, phá thai, giết chết cách êm dịu, hoặc tự tử trực tiếp; tất cả những gì xâm phạm sự toàn vẹn của nhân vị con người, như cắt bỏ một phần thân xác, hành hạ thân xác hoặc tâm trí, làm áp lực tâm lý; tất cả những gì xúc phạm đến nhân phẩm, như những cảnh sống thấp kém dưới mức độ phải có của con người, giam cầm vô cớ, lưu đày, nô lệ, mãi dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ em; kể cả những tình trạng làm việc nhọc nhằn khiến cho công nhân hoàn toàn trở thành công cụ, chứ không được coi như con người tự do và có trách nhiệm”³¹. Đồng thời, Giáo hội lên án mọi hình thức kỳ thị liên quan đến các quyền căn bản của con người, dù dựa trên giới tính, chủng tộc, màu da, điều kiện xã hội, ngôn ngữ hoặc tôn giáo, đều phải vượt qua và bãi bỏ. Giáo hội dựa vào Phúc âm đã ủy thác cho mình, tuyên bố các quyền của con người, nhìn nhận và đánh giá cao sự cổ vũ cho nhân quyền trong thời đại ngày nay.

Quyền tự do tôn giáo là quyền căn bản nhất của con người.

Theo quan điểm của giáo hội, tự do tôn giáo là quyền cơ bản nhất của các quyền con người. Đặc biệt, *Tuyên ngôn về tự do tôn giáo* (Dignitatis Humanae) của Công đồng Vatican II, tuyên bố rằng: “Con người có quyền tự do tôn giáo. Quyền tự do này hiện tại

con người không bị chi phối vì sự cưỡng bách của cá nhân, đoàn thể xã hội hay bất cứ quyền bính trần gian nào khác. Với ý nghĩa đó, trong lĩnh vực tôn giáo, không ai bị ép buộc hành động trái với lương tâm, cũng không ai bị ngăn cản hành động theo lương tâm, dù cho đó là những hành động riêng tư hay công khai, một mình hay với những người khác, trong giới hạn chính đáng”³².

Công đồng còn tuyên bố rằng: “tự do tôn giáo thực sự được xây dựng trên phẩm giá con người, một phẩm giá đúng như lời Thiên Chúa mạc khải và chính lý trí cho biết được”³³. Quyền tự do tôn giáo phải được thể hiện cho mỗi cá nhân, mỗi cộng đoàn tôn giáo (con người có quyền tự do hội họp hay thành lập các hiệp hội giáo dục, văn hóa, từ thiện xã hội do cảm thức tôn giáo thúc đẩy), cho gia đình (tổ chức đời sống tôn giáo, giáo dục cho con cái theo tôn giáo). Giáo hội cũng cho rằng, quyền tự do tôn giáo không phải là tuyệt đối mà có giới hạn, “phải tuân giữ luật luân lý nghĩa là quan tâm đến lợi ích của người khác, cũng như bổn phận của mình với tha nhân và lợi ích chung của mọi người” và “xã hội dân sự có quyền tự vệ chống lại những lạm dụng có thể nảy sinh dưới chiêu bài tự do tôn giáo”³⁴.

Công đồng cho rằng: “Quyền tự do tôn giáo của con người trong cơ cấu pháp lý của xã hội phải được chấp nhận là một lợi quyền dân sự”³⁵. Đồng thời, chức năng của các chính phủ là phục vụ công ích trần thế nên phải nhìn nhận vào đời sống tôn giáo của công dân. Nhiệm vụ thiết yếu của chính quyền là bảo vệ và phát huy những quyền lợi bất khả xâm phạm của con người, trong đó có quyền “tự do tôn giáo của mọi công dân bằng những đạo luật chính đáng và những phương tiện thích hợp khác, phải tạo nên những điều kiện thuận lợi giúp cho phát triển đời sống tôn giáo”³⁶.

Tóm lại, quan điểm của Giáo hội Công giáo về quyền con người là một trong những nội dung cơ bản nhất trong giáo huấn của giáo quyền. Nó dựa trên nền tảng thần học luân lý của Giáo hội đồng thời dựa trên nền tảng của nhân quyền trong xã hội hiện đại với những giá trị cần được nhìn nhận và trân trọng.

4. Những thách thức

Mặc dù những quan điểm về quyền con người của Giáo hội có nhiều điểm tương đồng với quan điểm nhân quyền thế tục, song do dựa trên quan điểm thần học về sự mạc khải của Thiên Chúa, hướng về Thiên Chúa và lấy Thiên Chúa làm hệ quy chiếu, làm lăng kính để nhìn nhận, xác quyết nên nhiều quan điểm và cách tiếp cận của Giáo hội về vấn đề quyền con người có khác biệt, thậm chí gây nên những xung đột, mâu thuẫn với các quan điểm thế tục về quyền con người.

Trước hết, lập trường của Giáo hội về sự sống và bảo vệ sự sống là một trong những nội dung gây nhiều tranh luận gay gắt nhất. Những quan điểm về vấn đề phòng tránh thai, số phận thai nhi, ý nghĩa và giá trị gia đình và tính dục thường gây những phản ứng gay gắt trong xã hội hiện đại. Từ quan điểm coi sự sống do Thiên Chúa tạo nên và giao cho con người duy trì, bảo tồn nó, Giáo hội cho rằng, sự sống xuất hiện trong quá trình hình thành bào thai, nên mọi sự can thiệp, cản trở đến quá trình thành thành phôi thai đều bị coi là tội giết người. *Hiến chế Vui mừng và Hy vọng* của Công đồng Vatican II chỉ rõ: “Thiên Chúa là Chúa sự sống, đã trao cho con người nhiệm vụ cao cả là bảo tồn sự sống và họ phải chu toàn bổn phận xứng hợp ấy cách xứng hợp với con người. Do đó, sự sống ngay từ lúc thụ thai đã phải giữ gìn hết sức cẩn thận; phá thai và sát nhi là tội ác ghê tởm”³⁷. Từ đó, Giáo hội có cái nhìn khá tiêu cực về các phương pháp phòng, tránh thai hiện đại, như nạo phá thai hay sử dụng các biện pháp phòng tránh thai hiện đại khác, nhất là việc Giáo hội cấm sử dụng bao cao su, trong điều kiện dịch bệnh lây lan nên bị dư luận xã hội lên án.

Tiếp nối tư tưởng của Công đồng Vatican II nêu trên, Thông điệp *Sự sống con người* (Humanae Vitae) do Giáo hoàng Phaolô VI ban hành năm 1968 khá cứng rắn về các vấn đề liên quan đến hôn nhân, sinh sản có kế hoạch, thụ thai nhân tạo, gây tranh luận nhiều nhất trong thế giới hiện đại. Thông điệp này chỉ rõ: “phải triệt để loại bỏ, không được coi là phương tiện hợp pháp để điều hòa sinh

sản, những việc làm đình chỉ trực tiếp quá trình sinh sản đã bắt đầu, và nhất là việc phá thai trực tiếp, dù vì những lý do chữa bệnh,... phải lên án các việc làm cho vợ hay chồng trực tiếp hóa son, hoặc vĩnh viễn, hoặc tạm thời. Còn phải loại bỏ bất cứ hành động nào - hoặc đoán trước việc vợ chồng, hoặc trong việc vợ chồng, hoặc khi đang tiến tới hậu quả tự nhiên của nó, được coi là mục đích hay phương tiện, để làm cho việc sinh sản không thể thành tựu được³⁸.

Những quan điểm bảo vệ sự sống cứng rắn và bảo thủ nêu trên của Giáo hội đã và đang vấp phải sự chỉ trích, phản đối của xã hội, nhất là trong bối cảnh ngày nay những vấn đề dịch bệnh, như đại dịch HIV/AIDS đang phát triển, đe dọa mạng sống của hàng triệu người, nhưng Giáo hội vẫn có thái độ bảo thủ không cho phép tín đồ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại để tránh lây nhiễm dịch bệnh.

Liên quan đến vấn đề sự sống, Giáo hội vẫn có cái nhìn bảo thủ, khắt khe đối với người đồng tính, nhất là hôn nhân đồng tính vẫn bị Giáo hội lên án và phản đối. Điều này xuất phát từ quan điểm thần học về hôn nhân, Giáo hội cho rằng, hôn nhân phải là sự *hợp nhất* mang tính tính dục trong tình yêu giữa người chồng và người vợ và *sinh sản* con cái để duy trì nòi giống - hai mục đích này gắn liền với nhau không thể tách biệt. Nhưng hoạt động đồng tính và hôn nhân đồng tính không thể đạt tới cả mục đích trên, nhất là nó không thể sinh sản con cái để duy trì nòi giống. Giáo lý Hội Thánh Công giáo chỉ rõ: “Các hành vi đồng tính luyến ái tự bản chất là thác loạn. Các hành vi này nghịch với luật tự nhiên vì loại bỏ chủ đích truyền sinh của hành vi tính dục, cũng không xuất phát từ nhu cầu bổ túc thực sự về tình cảm và tính dục. Những hành vi này không thể chấp nhận được trong bất cứ trường hợp nào” (GLHTCG 2357)³⁹.

Ngoài ra, còn có những vấn đề như chiều kích đạo lý và giới hạn của sinh học, vấn đề sinh sản vô tính; vấn đề quyền được chết,... còn có sự khác biệt giữa Giáo hội và xã hội hiện đại xung quanh vấn đề quyền con người về sự sống và bảo vệ sự sống.

Thứ hai, vấn đề bình đẳng giới, phẩm giá của người phụ nữ và vấn đề dân chủ trong Giáo hội. Mặc dù trong Giáo hội, Đức Mẹ rất được tôn vinh, được Giáo hội coi là “Mẹ của Chúa Giêsu, Mẹ Thiên Chúa và đồng thời là Mẹ của Hội Thánh, Mẹ chúng ta”, nhưng Đức Mẹ vẫn không được thờ cúng, cầu nguyện ngang bằng hoặc cao hơn Thiên Chúa, kể cả Chúa Giêsu Kitô vốn là con của Người! Từ mấy thập niên gần đây, Giáo hội đã chú ý nhiều hơn đến người phụ nữ vì họ đã có mặt trong nhiều lĩnh vực của Giáo hội: từ giáo lý viên đến giáo sư thần học, từ vai trò linh hoạt viên đến những chức vụ trong các hội đồng cao cấp. Riêng trong lĩnh vực phụng tự, phụ nữ được cử hành phụng vụ lời Chúa như người nam, mà không có một sự phân biệt. Tuy nhiên, trong vấn đề chức thánh, Giáo hội vẫn giữ lập trường cứng rắn không thừa nhận phụ nữ tham gia hàng ngũ giáo sĩ. Phụ nữ vẫn không được giáo quyền thừa nhận trong ơn gọi làm giáo sĩ. Địa vị và quyền lợi của người phụ nữ bị Giáo hội xem thường, không được đề cao trong Giáo hội.

Các quan điểm trên được thể hiện trong nhiều văn bản của Giáo hội Công giáo. Năm 1967, Bộ Giáo lý Đức tin công bố tuyên ngôn *Inter Insignores*, khẳng định: “Không chấp nhận việc thụ phong linh mục cho phụ nữ”. Năm 1994, Giáo hoàng Gioan Phaolô II ra *Tông thư Ordinatio sacerdotalis* nói rõ: “Giáo hội không thể nào có quyền trao chức linh mục cho phụ nữ và lập trường này phải được mọi tín hữu xem là lập trường vĩnh viễn”. Năm 1997, Giáo hoàng Gioan Phaolô II khẳng định lại: “Việc cấm phụ nữ làm linh mục là một tín điều và yêu cầu mọi người quy thuận một cách vĩnh viễn”. Quan điểm trên đã được Bộ Giáo luật 1983 quy định rõ: “Chỉ người thuộc nam giới đã nhận lãnh bí tích Thánh Tẩy mới được nhận lãnh thành sự chức thánh” (Điều 1024)⁴⁰.

Nhìn chung, bình đẳng giới, nói đúng hơn là quyền của phụ nữ trong phẩm trật của Giáo hội Công giáo hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế so với các tôn giáo khác. Trong khi từ năm 1966, đạo Tin Lành tại Pháp đã có nữ linh mục và Anh giáo cũng chấp nhận cho nữ giới chịu chức linh mục, thì Công giáo và Chính Thống giáo vẫn không

chấp nhận cho phụ nữ tham gia vào hàng giáo sĩ. Sự bất bình đẳng về giới quyền này của Giáo hội gặp phải sự phản ứng gay gắt của nhiều người cả trong và ngoài Giáo hội Công giáo.

Bên cạnh đó, vấn đề dân chủ trong phẩm trật của Giáo hội cũng đang bị dư luận lên tiếng chỉ trích. Cơ chế quyền lực vẫn thống trị trong Giáo hội từ Giáo triều Rôma đến giáo hội cơ sở. Vẫn có một khoảng cách lớn trong hàng giáo sĩ giữa các đẳng bậc bề trên với giáo sĩ lớp dưới, nhất là có một khoảng cách lớn giữa giáo sĩ và giáo dân.

Ngoài ra, liên quan đến quyền con người, Giáo hội cũng đang bị chỉ trích trong lập trường của Giáo hội về tương quan chân lý và tự do. Đặc biệt, phong trào thể tục hóa ngày nay đang có xu hướng đòi quyền tự quyết về cách suy tư, cách sống theo những chuẩn mực luân lý của tôn giáo cá nhân, sự tự do hoàn toàn tách khỏi chân lý mạc khải của Thiên Chúa, như Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã chỉ ra: “đó là sự tự do nhân linh có quyền “tạo giá trị” và được hưởng quyền điều hành chân lý, đến độ chân lý tự nó sẽ bị coi như là sản phẩm của tự do. Như vậy, tự do đòi quyền tự lập về luân lý như thể trong thực tế tự do có quyền tối thượng tuyệt đối”⁴¹. Từ quan điểm tự do đó, người ta muốn xây dựng một nền luân lý thuần túy “nhân bản” do chính con người tạo lập phủ nhận nguyên tắc mạc khải của Thiên Chúa và huân quyền của Giáo hội. Các tư trào phản bác Giáo hội nêu trên không chỉ xuất hiện trong các trào lưu tư tưởng thể tục mà cả trong nội bộ nền thần học luân lý Kitô giáo, như Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã chỉ ra trong *Thông điệp Ánh sáng rạng ngời chân lý* vào năm 1993⁴².

Kết luận

Quyền con người theo quan điểm của Giáo hội Công giáo có đặc điểm cơ bản là có hai nguồn gốc: giáo luật (luật của Thiên Chúa) và luật dân sự (dân luật). Theo đó, quyền của con người một mặt từ luật của Chúa, xuất phát từ mạc khải của Thiên Chúa; mặt khác, quyền của con người còn có nguồn gốc xã hội, do luật pháp thể tục quy định. Nói cách khác, Giáo hội thừa nhận rằng, quyền của con người trước hết có nguồn gốc từ Thiên Chúa, do luật của Chúa (giáo luật) quy định,

nhưng nó cũng do luật pháp thế tục quy định. Đó là những giá trị mà nhân loại phải đấu tranh gian khổ mới giành được. Những quan điểm của Giáo hội về quyền con người có nhiều giá trị cần được nhìn nhận trong xã hội hiện đại, song nó cũng còn nhiều hạn chế, thậm chí có thể gây nên những phản ứng, phê phán của dư luận xã hội về nhiều vấn đề, nhất là vấn đề sự sống, bảo vệ sự sống, quyền tự do của con người. Đó là những thách thức mà Giáo hội ngày nay đang phải đương đầu với xã hội hiện đại về quyền con người. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Phân khoa Thần học Giáo hoàng Học viện Thánh Pio X, Đà Lạt, Việt Nam, tr. 743.
- 2 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sđd, số 32, tr. 769.
- 3 Theo quan điểm của thần học Công giáo, nhân vị là địa vị, vị trí, vai trò của một cá nhân trong đoàn thể hay xã hội, với ý nghĩa tôn trọng. Nhân vị chỉ con người cụ thể, có linh hồn và thể xác, có vị trí, vai trò trong xã hội, một chủ thể có quyền lợi và nghĩa vụ trong lĩnh vực pháp lý và luân lý. Theo Nguyễn Thái Hợp trong cuốn: *Một cái nhìn về giáo huấn xã hội Công giáo*, thuật ngữ nhân vị xuất hiện ngay từ đầu kỷ nguyên Kitô giáo, do các nhà thần học Hy Lạp dùng để diễn tả về mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi (Tam vị nhất thể). Theo đó, họ đã sử dụng và kết hợp hai từ Hy Lạp, được phiên âm sang Latinh là: “hypostasis” (bản thể) và “prosopon” (ngôi vị) để diễn tả mầu nhiệm này. Trong đó, từ “hypostasis” (bản thể) được hiểu như nguyên tắc duy nhất của các ngôi vị (tam vị nhất thể), kết hợp với từ “prosopon” (ngôi vị), để nói lên chức năng, sứ vụ của mỗi ngôi vị (Chúa Cha có chức năng tạo dựng hay sáng tạo; Chúa Con có chức năng cứu chuộc và Chúa Thánh Thần có chức năng thánh hóa). Quan niệm thần học này để diễn tả tính duy nhất về bản tính Thiên Chúa (tính thần thánh) và sự khác biệt về sứ vụ của Ba Ngôi Thiên Chúa, trong đó mỗi ngôi đều là Thiên Chúa như nhau, nhưng vẫn duy trì trọn vẹn nét cá biệt, sứ vụ và tương quan riêng. Từ quan điểm đó, nhà thần học Latinh Severino Boetius (TK VI) đã giải thích quan niệm nhân vị dưới góc độ cá thể, cho rằng “nhân vị là cá thể của bản tính có lý trí”. Nói cách khác, nhân vị là một hữu thể cá biệt, tự tại, có lý trí và bất khả thay thế. Kế thừa tư tưởng của Boetius, nhà thần học Tôma Aquinô (Thế kỷ XIII) cho rằng, nhân vị là một thụ tạo đẹp nhất và cao quý nhất, bởi vì là một hữu thể tự tại, có lý tính và có khả năng tâm linh, là sự kết hợp giữa hồn và xác. Nhân học của trường phái Tôma quan niệm con người như một tổng hợp duy nhất bao gồm thể xác và linh hồn, một hữu thể phức hợp đặc biệt và huyền nhiệm, có lý trí và ý chí, lương tâm, hiểu biết nên có khả năng tách biệt với thế giới động vật và điều khiển môi trường sống, biến nó thành phương tiện để thăng hoa cuộc sống nhân loại. Nhờ sự nối kết

- độc đáo giữa thể xác và linh hồn, lý trí và lương tâm, con người có khả năng vượt trên thể giới tạo vật và trở thành một hữu thể độc nhất vô nhị trong vũ trụ. Một sản phẩm hoàn hảo nhất của Thiên Chúa bởi nó có phẩm giá và lương tri. Xem: Nguyễn Thái Hợp (2010), *Một cái nhìn về giáo huấn xã hội Công giáo*, Nxb. Phương Đông, Hà Nội, tr. 123.
- 4 Dẫn theo: Nguyễn Thái Hợp (2010), *Một cái nhìn về giáo huấn xã hội Công giáo*, Sdd, tr. 132.
 - 5 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sdd số 23, tr. 760.
 - 6 Theo quan điểm của thần học Công giáo, phẩm giá là những phẩm chất quý báu của con người. Nó có nguồn gốc từ việc con người được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa và giống Thiên Chúa. Phẩm giá này được hoàn thành trong việc tham dự vào sự sống của Thiên Chúa, tùy thuộc vào họ sống phù hợp hay không với điều thiện hảo mà Thiên Chúa đã hứa và được lương tâm chứng nhận (GL 1700). Phẩm giá con người biểu lộ trọn vẹn nhất nơi Chúa Giêsu Kitô. Bởi “chính người là con người hoàn hảo đã trả lại cho con cháu Adam hình ảnh Thiên Chúa đã bị Nguyên Tổ làm sai lệch” (GS 22). Xem: Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Từ điển Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2016, tr. 669-670.
 - 7 Giáo hoàng Gioan XXIII (1963), *Thông điệp Hòa bình trên Thế giới*, số 3.
 - 8 Giáo hoàng Gioan XXIII (1963), *Thông điệp Hòa bình trên Thế giới*, số 14.
 - 9 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sdd, tr. 742-743.
 - 10 Giáo hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Người tín hữu giáo dân*, số 37
 - 11 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sdd, tr. 764.
 - 12 Giáo hoàng Gioan Phaolô II (1991), *Thông điệp Bách chu niên (Centessimus annus)*, số 13.
 - 13 Nguyễn Thái Hợp (2010), *Một cái nhìn về giáo huấn xã hội Công giáo*, Nxb. Phương Đông, Hà Nội, 2010, tr 134.
 - 14 Nguyễn Thái Hợp (2010), *Một cái nhìn về giáo huấn xã hội Công giáo*, Sdd, tr. 138-139.
 - 15 Giáo hoàng Lêo XIII, trong *Tông huấn Tân sự* (1891), chính thức đưa tới sự ra đời của Học thuyết xã hội Công giáo, con người được đưa lên vị trí hàng đầu, trong đó có “vấn đề công nhân”, đòi quyền lợi cho người lao động; đề xuất “việc thiết lập trật tự xã hội”, “bảo vệ phẩm giá của con người”. Lên án chủ nghĩa tư bản bóc lột người lao động, coi họ là công cụ để thu lợi nhuận, Giáo hoàng Lêo XIII chỉ rõ: “Nhân danh nhân phẩm, con người có quyền được nhà nước bảo vệ chống lại những kẻ muốn biến họ thành những công cụ sản xuất không hơn không kém. Giá trị siêu việt của con người phải tránh cho họ trở thành công cụ của những kẻ sử dụng con người chỉ nhằm mục đích làm ra tiền bạc. Con người phải được quyền có đồng lương xứng đáng, quyền được giữ những lợi tức lao động của mình trong quyền tư hữu, quyền được nghỉ ngơi, quyền có một cuộc sống xứng đáng bao gồm cái ăn, cái mặc và nơi cư ngụ thích hợp, quyền tổ chức nghiệp đoàn”.

- 16 Giáo hoàng Piô XI lên án chủ nghĩa độc tài và nêu quan điểm công bằng xã hội, xem đó “như một quan niệm khóa của tư tưởng xã hội của Giáo hội”. Ông cho rằng: “Con người, với tư cách nhân vị, có những quyền mà người đó thừa hưởng từ Thiên Chúa và, đối với tập thể, phải luôn đứng ngoài mọi xâm phạm nhằm từ chối, loại bỏ hay lờ đi các quyền đó”.
- 17 Giáo hoàng Piô XII đã nêu lên quan điểm về một cộng đồng công dân có trách nhiệm trên mặt tinh thần, một trật tự pháp lý cho cộng đồng quốc tế và có sự cởi mở trong tiến trình đối thoại với thời đại và chấp nhận nguyên tắc dân chủ và đa nguyên qua bài phát biểu của ông ngày 7 tháng 9 năm 1955.
- 18 Giáo hoàng Gioan XXIII (1963), *Thông điệp Hòa bình trên Thế giới*, số 19.
- 19 Xem thêm: David Hollenbach, SJ., *Claims in Conflit. Retrieving and Renewing the Catholic Human Rights Tradition*, Paulist Press, 1979, p. 64.
- 20 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sđd, tr. 762.
- 21 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sđd, tr. 782.
- 22 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sđd, tr. 784.
- 23 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sđd, tr. 784.
- 24 Giáo hoàng Phaolô VI (1964), *Thông điệp Hội Thánh giữa loài người (Ecclesiam suam)*, số 80.
- 25 Giáo hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Đấng Cứu chuộc loài người*, số 14.
- 26 Dẫn theo: Nguyễn Thái Hợp (2010), *Một cái nhìn về giáo huấn xã hội Công giáo*, Sđd, tr. 135,
- 27 Giáo hoàng Benedict XVI, *Thông điệp Bác ái trong chân lý (Caritas In Veritate)*, ngày 07/7/2009, số 9.
- 28 Giáo hoàng Benedict XVI, *Thông điệp Bác ái trong chân lý (Caritas In Veritate)*, ngày 07/7/2009, số 19.
- 29 Xem thêm: Lịch sử vấn đề nhân quyền, *Thời sự Thần học*, số 12, tháng 6/1998. Bản điện tử đăng trên <https://tsthdn.blogspot.com/2013/02/lich-su-van-e-nhan-quyen.html#more>, update 23/02/2013; *Lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người*, trên <https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/lich-su-phat-trien-tu-tuong-quyen-con-nguoi.html>, update 10/12/2018
- 30 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sđd, tr. 767.
- 31 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sđd, tr. 764.
- 32 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sđd, tr. 578.
- 33 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sđd, tr. 578.
- 34 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sđd, tr. 583.

- 35 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sdd, tr. 578.
- 36 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sdd, tr. 583.
- 37 Thánh Công đồng chung Vatican II (1972), *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Sdd, tr. 806.
- 38 Giáo hoàng Phaolô VI (1968), *Thông điệp Sự sống của con người*, số 14.
- 39 *Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2006, tr. 704.
- 40 Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Bộ Giáo luật 1983*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2007, tr. 322.
- 41 Giáo hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Ánh rạng ngời chân lý* (Veritatis Splendor), ngày 05/10/1993, số 35.
- 42 Giáo hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Ánh rạng ngời chân lý* (Veritatis Splendor), ngày 05/10/1993.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2006, tr. 704.
2. Giáo hoàng Gioan XXIII, *Thông điệp Mẹ và Thầy hay Hiến Mẫu và Tôn sư* (Mater et Magistra), ngày 15/5/1961, Bản dịch của Ủy ban Mục vụ Di dân, Hội đồng Giám mục Việt Nam.
3. Giáo hoàng Gioan XXIII, *Thông điệp Hòa bình trên thế giới* (Pacem in Terris), ngày 11 tháng 4 năm 1963, Bản dịch tiếng Việt, Trung tâm học vấn Đa Minh.
4. Thánh Công đồng chung Vatican II, *Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, sứ điệp*, Phân khoa Thần học Giáo hoàng Học viện Thánh Pio X, Đà Lạt, Việt Nam, 1972.
5. Giáo hoàng Phaolô VI, *Thông điệp sự sống con người* (Humanae Vitae), ngày 25 tháng 7 năm 1968, bản dịch tiếng Việt, Trung tâm học vấn Đa Minh.
6. Giáo hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Đấng Cứu chuộc con người* (Redemptor Homins), ngày 04 tháng 3 năm 1979, Bản dịch tiếng Việt, Trung tâm học vấn Đa Minh.
7. Giáo hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Quan tâm đến vấn đề xã hội* (Sollicitudo Rei Socialis) ngày 30/12/1987, Bản dịch tiếng Việt, Trung tâm học vấn Đa Minh.
8. Giáo hoàng Gioan Phaolô II, *Tông huấn Kitô hữu giáo dân* (Christifideles laici) ngày 30 tháng 12 năm 1988, Bản dịch tiếng Việt, Trung tâm học vấn Đa Minh.
9. Giáo hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Bách chu niên* (Centesimus Annus), ngày 01 tháng 5 năm 1991.
10. Giáo hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Ánh rạng ngời chân lý* (Veritatis Splendor), ngày 05/10/1993.
11. Giáo hoàng Gioan Phaolô II, *Thông điệp Tin mừng về sự sống* (Evangelium Vitae), ngày 25/3/1995, bản dịch tiếng Việt, Trung tâm học vấn Đa Minh.
12. Giáo hoàng Benedicto XVI, *Thông điệp Bác ái trong chân lý* (Caritas In Veritate), ngày 07/7/2009, Bản dịch tiếng Việt, Trung tâm học vấn Đa Minh.

13. Hervé Carrier, S.J. *Một cái nhìn mới về học thuyết xã hội Công giáo*, Bản dịch của Nguyễn Đăng Trúc, Bộ sách Muối Đất, Định Hướng từng thư, 13 Grue de l'ILL, 67116 Reichstett-France (Pháp), 2000, Trung tâm học vấn Đa Minh.
14. Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Bộ Giáo luật 1983*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2006.
15. Nguyễn Thái Hợp (2010), *Một cái nhìn về giáo huấn xã hội Công giáo*, Nxb. Phương Đông, Hà Nội.
16. *Kinh thánh Cựu Ước và Tân Ước - Lời Chúa cho mọi người*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008.

Abstract

VIEWPOINTS OF CATHOLIC CHURCH ON HUMAN RIGHTS - VALUES AND CHALLENGES

Nguyen Phu Loi

Institute of Religions and Beliefs

Ho Chi Minh National Academy of Politics

Human rights were mentioned in the Bible, respected by Jesus and the apostles and one of the important contents of the Church's magisterium expressed in Compendium of the Social Doctrine of the Church. However, the Church only recognized human rights stemming from God, by God for a long time and denied, even criticized, condemned the human rights notions of secular society (human achievement established through social revolutions). By Pope John XXIII's period (1958-1963) and the Second Vatican Council (1962-1965), the Church acknowledged the human rights views of secular society (civil law) as well as human values along with human rights originated from God's law (canon law). This is a particular feature of human rights according to the Church's perspective. This article indicates the Catholic Church's position on human rights. Based on the view of human as a social being, a person, a dignified person, the Church has showed its views on human rights and emphasized that human rights are firstly derived from the law of God (canon law), it also has social origin (civil law). Since the Second Vatican Council, the issue of human rights has been gradually concerned by the Church with many recognized values, however, it is also facing the challenges of contemporary society.

Keywords: Human rights; Catholic Church; value; challenge.